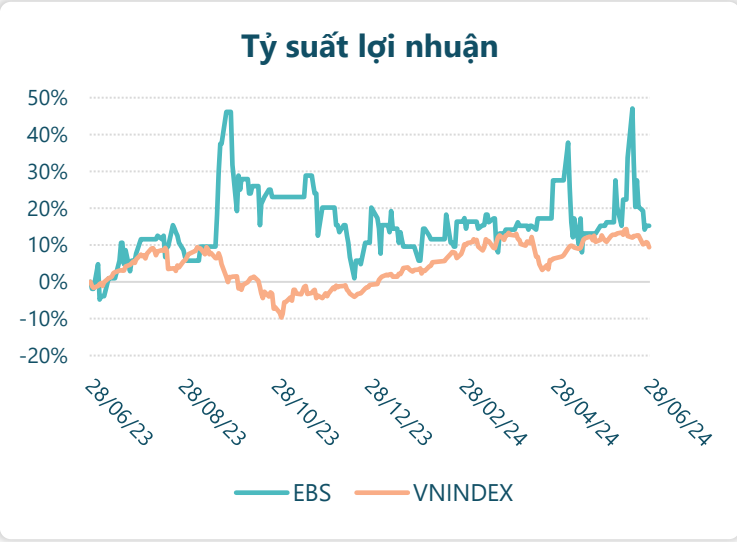


Ngày	11,200 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.9%	0.9%	4.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,256 - 14,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	112
Số lượng CPLH (CP)	9,965,584
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,650
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	(0.24)
EPS	1,577
P/E	7.1



Doanh thu thuần
Q2/24

30.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.5 | 412%

YoY: ▼ 0.80 | -2.6%

Nợ/VCSH
Q2/24

21.7%

YoY: +/-▲ 1.3%

LN gộp
Q2/24

11.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.43 | 285%

YoY: ▲ 0.20 | 2.1%

ROE (TTM)
Q2/24

10.7%

YoY: +/-▲ 1.9%

LN trước thuế
Q2/24

5.29

tỷ VNĐ

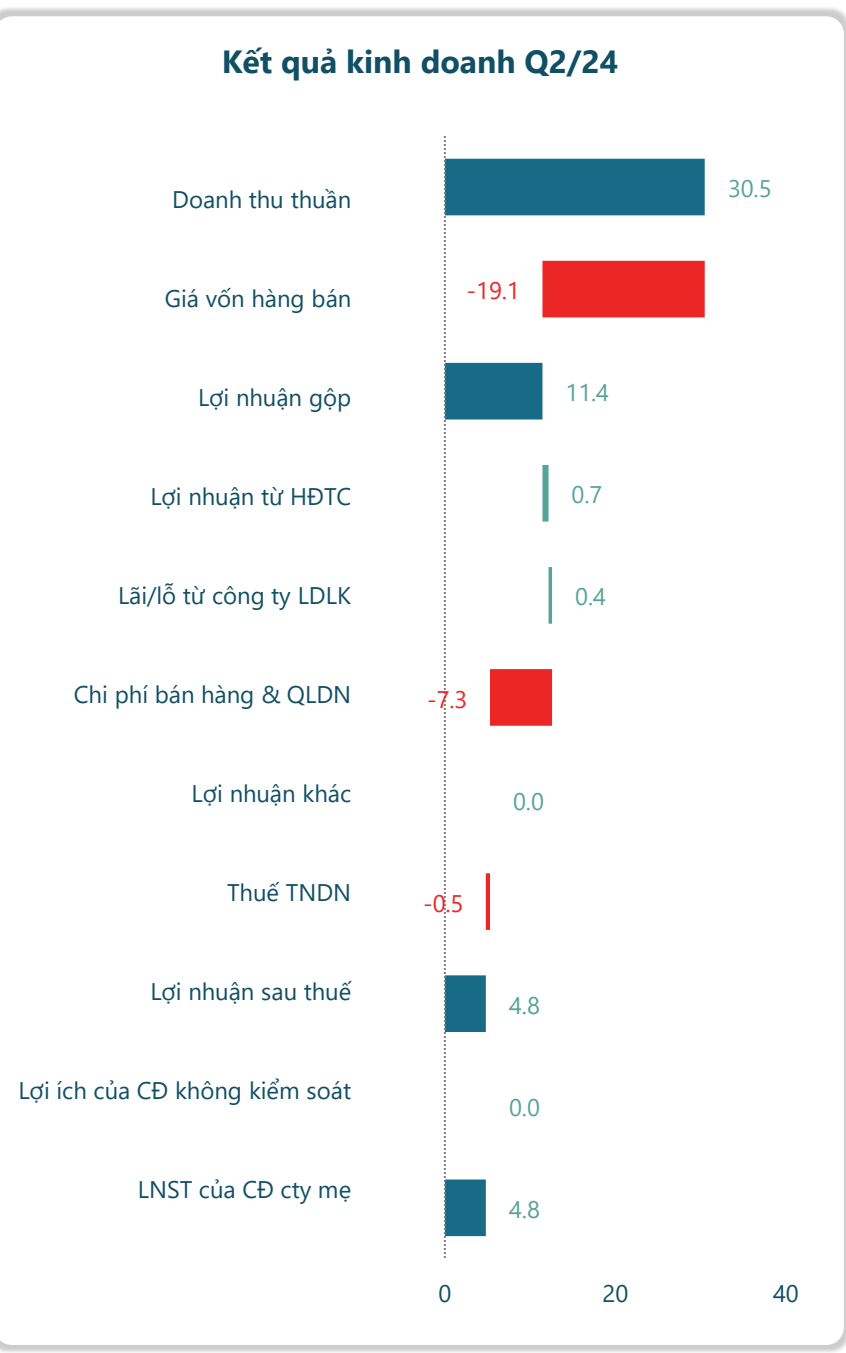
QoQ: ▲ 3.60 | 213%

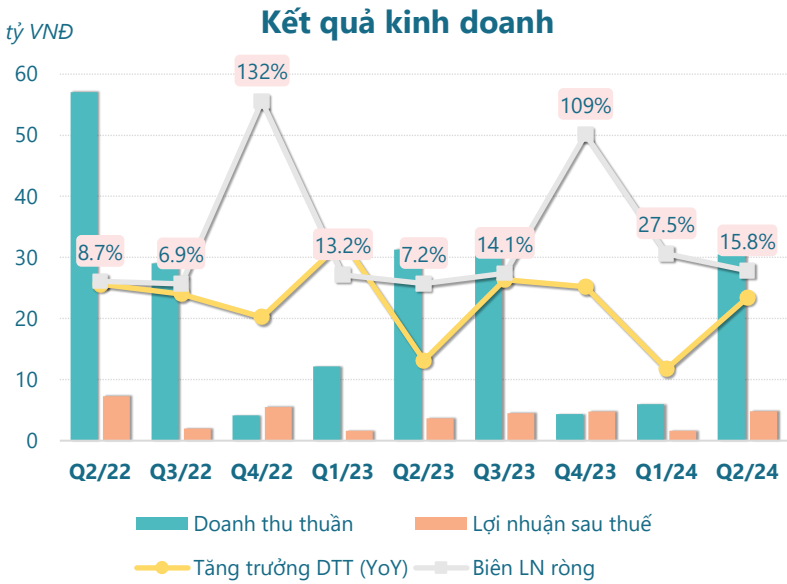
YoY: ▲ 1.16 | 28.2%

ROA (TTM)
Q2/24

8.5%

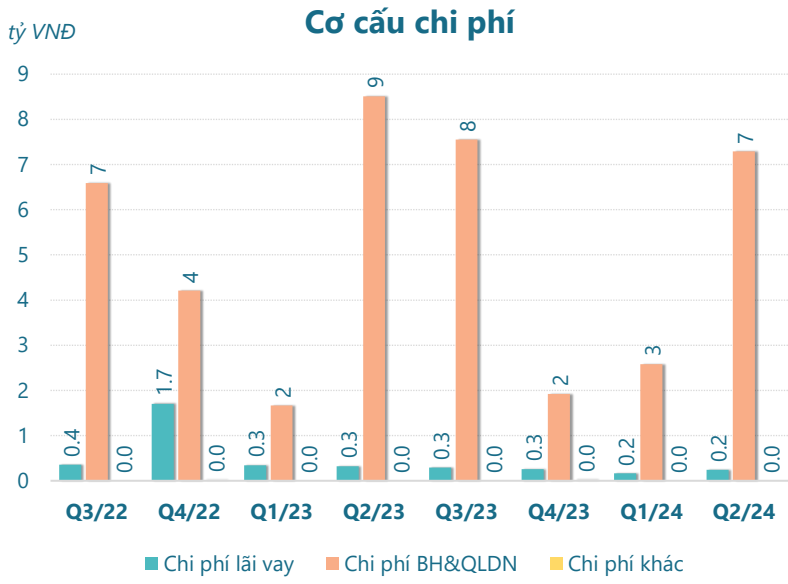
YoY: +/-▲ 1.5%





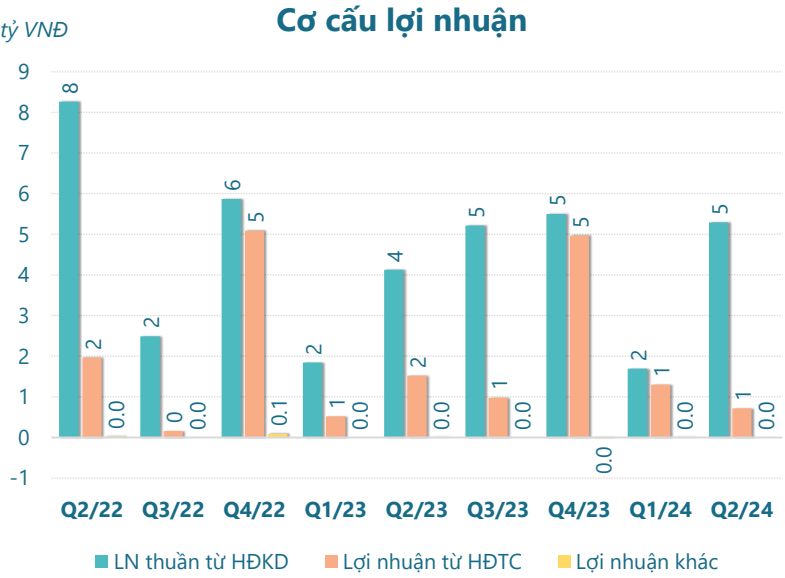
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 5.29 tỷ đồng**, tăng thêm 213% so với kỳ trước và cao hơn 28.1% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.72 tỷ đồng**, giảm đi 44.6% so với kỳ trước và thấp hơn 52.6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **EBS** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **30.50 tỷ đồng** giảm đi **2.49%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 4.83 tỷ đồng**, **tăng trưởng 32.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **36.00 tỷ đồng** thấp hơn 16.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 6.00 tỷ đồng** cao hơn 20.0% so với cùng kỳ năm trước.



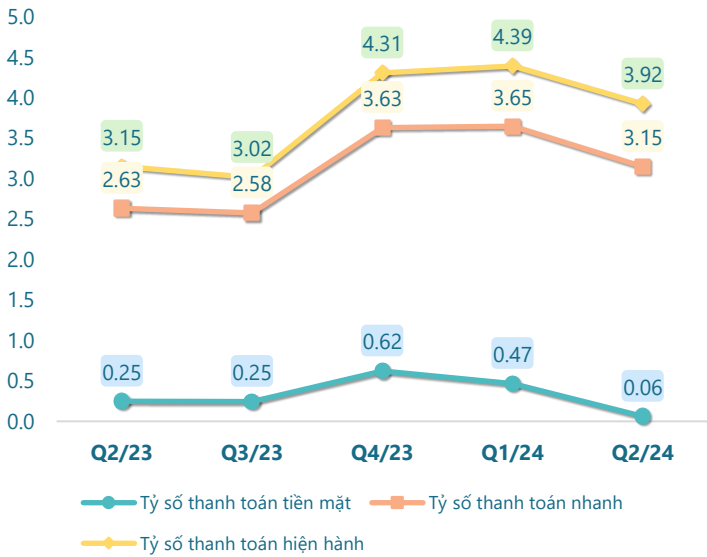
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.25 tỷ đồng** tăng thêm 56.3% so với kỳ trước và thấp hơn 21.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **7.29 tỷ đồng** tăng thêm 183% so với kỳ trước và thấp hơn 14.3% so với cùng kỳ năm trước.

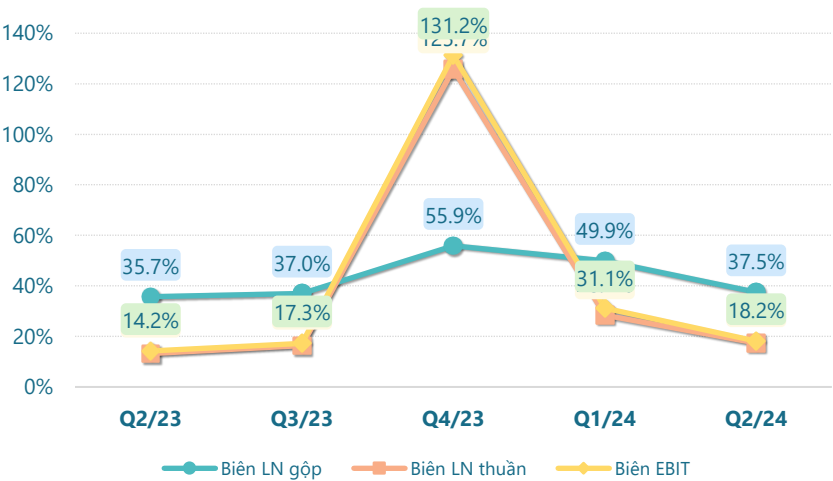
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	30.5	5.96	412%	31.3	-2.6%	36.5	43.4	-16.1%
Giá vốn hàng bán	19.1	2.98	540%	20.1	-5.2%	22.0	29.3	-24.7%
Lợi nhuận gộp	11.4	2.97	285%	11.2	2.1%	14.4	14.2	1.8%
Doanh thu HĐTC	1.19	1.51	-21.4%	1.64	-27.6%	2.70	2.67	1.1%
Chi phí TC	0.47	0.21	125%	0.12	293%	0.68	0.62	9.4%
Chi phí lãi vay	0.25	0.16	53.7%	0.32	-23.2%	0.41	0.67	-38.6%
LN trong công ty LKLD	0.43	0.00		-0.06	816%	0.43	-0.06	864%
Chi phí bán hàng	5.05	1.83	176%	5.77	-12.5%	6.88	6.52	5.4%
Chi phí QLDN	2.24	0.75	199%	2.74	-18.2%	2.99	3.65	-18.0%
LN thuần từ HĐKD	5.29	1.69	213%	4.13	28.2%	6.99	5.98	16.9%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00		0.00	0.00	-99.6%
LN trước thuế	5.29	1.69	213%	4.13	28.2%	6.99	5.98	16.8%
Lợi nhuận sau thuế	4.83	1.64	194%	3.66	31.8%	6.46	5.26	22.9%
LNST của CĐ cty mẹ	4.83	1.64	194%	2.25	114%	6.46	3.85	67.9%

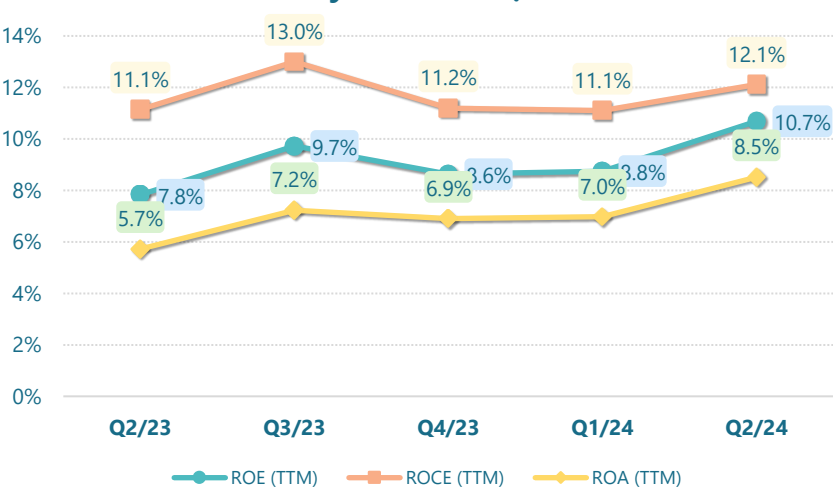
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

